

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 06/2025)

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày nhận mẫu	Mã mẫu	Mùi, vị	Màu sắc TCU	Độ đục	pH	Amoni	Nitrit	Nitrat	Chỉ số Pecmanganat	FeTP	Mn	As	Vi sinh				Clo dư
															Coliforms	E.coli	Tụ cầu vàng	TKMX	
					TCU	NTU		mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	CFU/100ml	CFU/100ml	CFU/100ml	mg/l
QCVN 01-1:2018/BYT				<i>Không có mùi, vị lạ</i>	15	2	6.0-8.5	0.3	0.05	2	2	0.3	0.1	0.01	<3	<1	<1	<1	0.2-1.0
1.1	Bơm II Yên Phú (0625.60.10)	18/06/2025	0625.903/4735	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.26	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.549	0.448	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	0.006899	0	0	0	0	0.44
1.2	16 Nguyễn Khắc Nhu (0625.60.10.1)	18/06/2025	0625.903/4736	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.27	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.399	< 0.36	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	0.006622	0	0	0	0	0.25
1.3	55 Phạm Hồng Thái (0625.60.10.2)	18/06/2025	0625.903/4737	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.33	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.548	0.384	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	0.007088	0	0	0	0	0.30
1.4	86 Cửa Bắc (0625.60.10.3)	18/06/2025	0625.903/4738	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.36	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.421	0.448	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	0.006638	0	0	0	0	0.30
1.5	26 Phan Đình Phùng (0625.60.10.4)	18/06/2025	0625.903/4739	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.35	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.534	0.512	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	0.006721	0	0	0	0	0.25
1.6	50 Nghĩa Dũng (0625.60.10.5)	18/06/2025	0625.903/4740	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.39	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.364	0.448	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	0.006646	0	0	0	0	0.23
1.7	104 Tân Ấp (0625.60.10.6)	18/06/2025	0625.903/4741	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.36	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.536	0.384	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	0.006479	0	0	0	0	0.32
1.8	119 Trúc Bạch (0625.60.10.7)	18/06/2025	0625.903/4742	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.33	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.392	< 0.36	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	0.006853	0	0	0	0	0.25
2	Nhà máy nước Ngô Sĩ Liên																		
2.1	Bơm II Ngô Sĩ Liên (0625.60.3)	23/06/2025	0625.933/4908	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.132	7.61	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.442	0.448	< 0.05	KPH (LOD=0.025)	< 0.0055	0	0	0	0	0.71
2.2	Nguồn thành phố cấp Bệnh viện đa khoa Hồng Hà (0625.60.3.1)	23/06/2025	0625.933/4909	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.107	7.51	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.214	0.448	< 0.05	KPH (LOD=0.025)	< 0.0055	0	0	0	0	0.52
2.3	Nguồn thành phố cấp Công an phường Văn Miếu (0625.60.3.2)	23/06/2025	0625.933/4910	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.103	7.44	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.455	0.448	< 0.05	KPH (LOD=0.025)	< 0.0055	0	0	0	0	0.45
2.4	Nguồn thành phố cấp Công an phường Văn Chương (0625.60.3.3)	23/06/2025	0625.933/4911	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.174	7.39	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.214	0.32	< 0.05	KPH (LOD=0.025)	< 0.0055	0	0	0	0	0.47
2.5	Nguồn thành phố cấp Bệnh viện Da liễu Hà Nội (0625.60.3.4)	23/06/2025	0625.933/4912	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.113	7.34	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.459	0.384	< 0.05	KPH (LOD=0.025)	< 0.0055	0	0	0	0	0.40
2.6	156/88 mặt Hồ Linh Quang (0625.60.3.5)	23/06/2025	0625.933/4913	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.12	7.33	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.21	< 0.36	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	< 0.0055	0	0	0	0	0.35

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 06/2025)

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày nhận mẫu	Mã mẫu	Mùi, vị	Màu sắc TCU	Độ Đục	pH	Amoni	Nitrit	Nitrat	Chỉ số Pecmanganat	FeTP	Mn	As	Vi sinh				Clo dư
															Coliforms	E.coli	Tụ cầu vàng	TKMX	
					TCU	NTU		mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	CFU/100ml	CFU/100ml	CFU/100ml	mg/l
3	Nhà máy nước Mai Dịch																		
3.1	Bơm II Mai Dịch (0625.60.1)	18/06/2025	0625.904/4743	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.37	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.784	< 0.36	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	0.006764	0	0	0	0	0.62
3.2	Số 1 Hồ Tùng Mậu (0625.60.1.1)	18/06/2025	0625.904/4744	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.36	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.625	0.384	< 0.05	KPH (LOD=0.025)	0.006845	0	0	0	0	0.40
3.3	Nguồn thành phố cấp Goldmark City (0625.60.1.2)	18/06/2025	0625.904/4745	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.37	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.75	0.448	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	0.006849	0	0	0	0	0.40
3.3	26 Đoàn Kế Thiện (0625.60.1.3)	18/06/2025	0625.904/4746	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.48	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.447	< 0.36	< 0.05	< 0.05	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.33
3.4	Số 1 Phạm Thân Duật (0625.60.1.4)	18/06/2025	0625.904/4747	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.45	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.012	< 0.36	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.35
3.5	Số 8/304/1 Hồ Tùng Mậu (0625.60.1.5)	18/06/2025	0625.904/4748	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.30	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.856	< 0.36	< 0.05	< 0.05	0.007032	0	0	0	0	0.30
4	Nhà máy nước Cáo Đình																		
4.1	Bơm II Cáo Đình (0625.60.4)	18/06/2025	0625.904/4749	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.32	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.794	< 0.36	KPH (LOD=0.01)	< 0.05	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.72
4.2	26/401 Xuân Đình (0625.60.4.1)	18/06/2025	0625.904/4750	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.36	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.726	< 0.36	< 0.05	< 0.05	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.55
4.3	8/64/401 Xuân Đình (0625.60.4.2)	18/06/2025	0625.904/4751	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.34	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.386	0.448	< 0.05	< 0.05	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.46
4.4	135 Xuân Đình (0625.60.4.3)	18/06/2025	0625.904/4752	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.20	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.652	< 0.36	KPH (LOD=0.01)	< 0.05	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.50
4.5	358 Xuân Đình (0625.60.4.4)	18/06/2025	0625.904/4753	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.21	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.528	< 0.36	KPH (LOD=0.01)	< 0.05	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.45
4.7	22/307 Xuân Đình (0625.60.4.5)	18/06/2025	0625.904/4754	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.23	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.993	< 0.36	KPH (LOD=0.01)	< 0.05	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.45
6	Nhà máy nước Lương Yên																		
6.1	Bơm II Lương Yên (0625.60.5)	25/06/2025	0625.951/5023	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.1	7.7	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.568	< 0.36	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	0.008014	0	0	0	0	0.65
6.2	Số 3 Lương Yên (0625.60.5.1)	25/06/2025	0625.951/5024	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.82	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.515	< 0.36	< 0.05	KPH (LOD=0.025)	0.008008	0	0	0	0	0.47
6.3	12B Thọ Lão (0625.60.5.2)	25/06/2025	0625.951/5025	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.82	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.528	< 0.36	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	0.008091	0	0	0	0	0.38
6.4	38A Hàng Chuối (0625.60.5.3)	25/06/2025	0625.951/5026	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.76	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.652	< 0.36	< 0.05	KPH (LOD=0.025)	0.008059	0	0	0	0	0.40
6.5	135 Lô Đức (0625.60.5.4)	25/06/2025	0625.951/5027	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.8	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.726	< 0.36	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	0.008074	0	0	0	0	0.35

Handwritten signature

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 06/2025)

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày nhận mẫu	Mã mẫu	Mùi, vị	Màu sắc TCU	Độ Đục	pH	Amoni	Nitrit	Nitrat	Chỉ số Pecmanganat	FeTP	Mn	As	Vi sinh				Clo dư
															Coliforms	E.coli	Tụ cầu vàng	TKMX	
					TCU	NTU		mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	CFU/100ml	CFU/100ml	CFU/100ml	mg/l
7	Nhà máy nước Nam Dư																		
7.1	Bơm II Nam Dư (0625.60.6)	24/06/2025	0625.939/4946	Không có mùi, vị lạ	< 5	0.152	7.26	0.19	KPH (LOD=0.02)	1.479	0.768	KPH (LOD=0.01)	< 0.05	0.006222	0	0	0	0	0.50
7.2	538 Lĩnh Nam (0625.60.6.1)	24/06/2025	0625.939/4947	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.19	0.16	< 0.04	1.626	0.768	KPH (LOD=0.01)	< 0.05	0.006156	0	0	0	0	0.30
7.3	Số 3 ngõ 2 Tây Trà (0625.60.6.2)	24/06/2025	0625.939/4948	Không có mùi, vị lạ	< 5	0.151	7.26	KPH (LOD=0.08)	< 0.04	1.359	0.832	< 0.05	KPH (LOD=0.025)	0.006179	0	0	0	0	0.28
7.4	Chung cư Sunshine Place (0625.60.6.3)	24/06/2025	0625.939/4949	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.3	KPH (LOD=0.08)	< 0.04	1.502	0.768	< 0.05	< 0.05	0.006367	0	0	0	0	0.30
7.5	Chung cư Sunshine Garden (0625.60.6.4)	24/06/2025	0625.939/4950	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.29	KPH (LOD=0.08)	< 0.04	1.195	0.896	< 0.05	KPH (LOD=0.025)	0.006294	0	0	0	0	0.30
7.6	Chung cư Helios (0625.60.6.5)	24/06/2025	0625.939/4951	Không có mùi, vị lạ	< 5	0.218	7.27	KPH (LOD=0.08)	< 0.04	1.612	0.640	< 0.05	< 0.05	0.006321	0	0	0	0	0.30
8	Nhà máy nước Tương Mai																		
8.1	Bơm II Tương Mai (0625.60.7)	26/06/2025	0625.959/5114	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.05	0.18	KPH (LOD=0.02)	1.536	0.640	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.33
8.2	103 Q5L ngõ 104 Nguyễn An Ninh (0625.60.7.1)	26/06/2025	0625.959/5115	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.07	< 0.16	KPH (LOD=0.02)	1.112	0.576	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.3
8.3	24 ngõ 151 Nguyễn Đức Cảnh (0625.60.7.2)	26/06/2025	0625.959/5116	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.04	< 0.16	KPH (LOD=0.02)	1.235	0.960	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.25
8.4	229 Phố Vọng (0625.60.7.3)	26/06/2025	0625.959/5117	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	6.96	< 0.16	KPH (LOD=0.02)	1.015	0.576	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	2	0	0	0	0.29
9	Nhà máy nước Hạ Đình																		
9.1	Bơm II Hạ Đình (0625.60.8)	23/06/2025	0625.933/4914	Không có mùi, vị lạ	< 5	0.563	7.45	0.08	KPH (LOD=0.02)	1.515	0.768	< 0.05	KPH (LOD=0.025)	< 0.0055	0	0	0	0	0.44
9.2	Nguồn thành phố cấp CC 196 Thái Thịnh (0625.60.8.1)	23/06/2025	0625.933/4915	Không có mùi, vị lạ	< 5	0.138	7.29	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.221	0.832	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	0.005537	0	0	0	0	0.31
9.3	Nhà 110C3 ngõ 35 Thái Thịnh (0625.60.8.2)	23/06/2025	0625.933/4916	Không có mùi, vị lạ	< 5	0.433	7.27	0.21	KPH (LOD=0.02)	1.502	0.768	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.25
9.4	Nguồn thành phố cấp Mipec Tower 229 Tây Sơn (0625.60.8.3)	23/06/2025	0625.933/4917	Không có mùi, vị lạ	< 5	0.499	7.24	0.08	KPH (LOD=0.02)	1.284	0.960	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	< 0.0055	0	0	0	0	0.35

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 06/2025)

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày nhận mẫu	Mã mẫu	Mùi, vị	Màu sắc TCU	Độ Đục	pH	Amoni	Nitrit	Nitrat	Chỉ số Pecmanganat	FeTP	Mn	As	Vi sinh				Clo dư
															Coliforms	E.coli	Tụ cầu vàng	TKMX	
					TCU	NTU		mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	CFU/100ml	CFU/100ml	CFU/100ml	mg/l
10	Nhà máy nước Gia Lâm																		
10.1	Bơm II Gia Lâm (0625.60.9)	18/06/2025	0625.909/4777	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.285	7.73	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.981	1.344	< 0.05	KPH (LOD=0.025)	0.007166	0	0	0	0	0.52
10.2	57 Tân Thụy (0625.60.9.1)	18/06/2025	0625.909/4778	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.121	7.51	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.876	0.512	< 0.05	KPH (LOD=0.025)	0.008096	0	0	0	0	0.33
10.3	87 Sài Đồng (0625.60.9.2)	18/06/2025	0625.909/4779	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.133	7.53	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.743	0.512	0.05	KPH (LOD=0.025)	0.008064	0	0	0	0	0.45
10.4	Số 6 Vũ Đức Thận (0625.60.9.3)	18/06/2025	0625.909/4780	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.1	7.57	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.92	0.512	< 0.05	KPH (LOD=0.025)	0.008063	0	0	0	0	0.30
10.5	Vinhome riverside (0625.60.9.4)	18/06/2025	0625.909/4781	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.116	7.55	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.024	0.512	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	0.008905	0	0	0	0	0.31
10.6	20 Nguyễn Khắc Oản (0625.60.9.5)	18/06/2025	0625.909/4782	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.123	7.61	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.794	0.384	< 0.05	KPH (LOD=0.025)	0.008741	0	0	0	0	0.36
12	Nhà máy nước Pháp Vân																		
12.1	Bơm II Pháp Vân (0620.60.12)	26/06/2025	0625.959/5119	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	6.94	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.012	0.576	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.60
12.2	70 Nguyễn Đức Cảnh (0620.60.12.1)	26/06/2025	0625.959/5120	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.00	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.856	0.448	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.40
12.3	25 ngõ 243 Giáp Bát (0620.60.12.2)	26/06/2025	0625.959/5121	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.08	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.784	0.384	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.41
12.4	Số 52 ngõ 55 Lương Khánh Thiện (0620.60.12.3)	26/06/2025	0625.959/5122	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.06	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.535	0.768	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.50
12.5	89 Thịnh Liệt (0620.60.12.4)	26/06/2025	0625.959/5123	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.04	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.625	0.768	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.45
13	Nhà máy nước Ngọc Hà																		
13.1	Bơm II Ngọc Hà (0620.60.2)	25/06/2025	0625.947/4989	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.357	7.93	KPH (LOD=0.08)	< 0.04	0.784	0.640	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.36
13.2	Số 7 Đội Nhân (0620.60.2.1)	25/06/2025	0625.947/4990	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.274	8.13	KPH (LOD=0.08)	< 0.04	0.652	0.704	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.25
13.3	Số 83 Đốc Ngữ (0620.60.2.2)	25/06/2025	0625.947/4991	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.355	8.14	KPH (LOD=0.08)	< 0.04	0.754	0.640	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.25
13.3	Số 117 Văn Cao (0620.60.2.3)	25/06/2025	0625.947/4992	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.241	8.13	KPH (LOD=0.08)	< 0.04	0.528	0.768	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.30

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 06/2025)

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày nhận mẫu	Mã mẫu	Mùi, vị	Màu sắc TCU	Độ Đục	pH	Amoni	Nitrit	Nitrat	Chỉ số Pecmanganat	FeTP	Mn	As	Vi sinh				Clo dư
															Coliforms	E.coli	Tụ cầu vàng	TKMX	
					TCU	NTU		mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	CFU/100ml	CFU/100ml	CFU/100ml	mg/l
11	Nhà máy nước Bắc Thăng Long																		
11.1	Bơm II Bắc Thăng Long (0625.60.11)	18/06/2025	0625.906/4759	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.4	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.247	0.576	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.56
11.2	Bờ hồ Tiên Phong, Mễ Linh (0625.60.11.1)	18/06/2025	0625.906/4761	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.54	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.058	0.960	< 0.05	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.30
11.3	22A đường Thiên Điều (0625.60.11.2)	18/06/2025	0625.906/4762	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.66	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.235	0.768	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.35
11.5	Số 2 đường Thiên Điều (0625.60.11.3)	18/06/2025	0625.906/4763	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.65	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.313	0.960	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.30
11.6	Bác Thoan xóm 7, Tráng Việt (0625.60.11.4)	18/06/2025	0625.906/4764	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.64	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.956	0.896	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.29
11.7	Cô Hoa xóm 7, Tráng Việt (0625.60.11.5)	18/06/2025	0625.906/4765	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.66	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.125	0.960	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.31
11.8	Xóm 6, Tráng Việt (0625.60.11.6)	18/06/2025	0625.906/4766	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.65	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	KPH (LOD=0.05)	0.896	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.25
11.9	Xóm 8, Tráng Việt (0625.60.11.7)	18/06/2025	0625.906/4767	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.68	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.078	0.896	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.30
12	24 Hậu Dường (0625.60.11.8)	18/06/2025	0625.906/4768	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.68	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.754	0.768	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.35
12.1	19 Hậu Dường (0625.60.11.9)	18/06/2025	0625.906/4769	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.59	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.034	0.896	< 0.05	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.40
12.2	Trần Thị Văn, Đại Đồng, Đại Mạch (0625.60.11.10)	18/06/2025	0625.906/4770	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.46	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.510	0.640	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.40
12.3	Chú Hòa xóm 7, Tráng Việt (0625.60.11.11)	18/06/2025	0625.906/4771	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD=3 TCU)	< 0.10	7.48	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.920	0.960	KPH (LOD=0.01)	KPH (LOD=0.025)	KPH (LOD=0.003)	0	0	0	0	0.28